

 CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	 VILAS 746
---	--	---

Số: 23/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

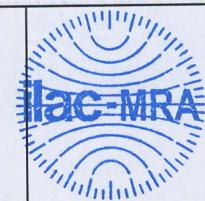
STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	98M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	06/07/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
3	99M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	06/07/2015 9g30-9g45	
4	100M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/07/2015 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
5	100M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			11/05/2015 9g00-9g15	
6	100M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			06/07/2015 9g30-9g45	
7	101B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			06/07/2015 8g00-8g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				98M ₁ 01/15	99M ₁ 01/15	100M ₁ 01/15	100M ₂ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.90	6.83	6.90	6.85
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.43	0.35	1.21	0.35
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH	0.01	0.05	KPH
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.45	15.39	14.10	15.74
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.15	44.61	42.53	45.63
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0037	KPH	0.0052	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4.30	3.60	5.20	4.80
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	6.30	5.40	3.90	5.50
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.50	7.50	7.31	7.80
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	KPH	0.01	0.01
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.32	0.26	0.39
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				100M ₃ 01/15	101B01/15		
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.90	6.95		
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.33	0.40		
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	0.02		
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.16	16.51		
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.24	47.75		
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH		
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	1.90	6.50		
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không		
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	2.90	2.90		
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.36	7.67		
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	0.01		
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.39		
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH		
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.53		

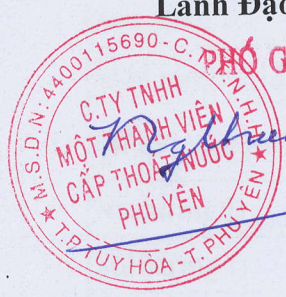
Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa , ngày 13 tháng 07 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm



KS. Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân